Nhằm ôn lại truyền thống lịch sử vẻ vang, khí thế hào hùng và tinh thần thượng võ quyết thắng giặc ngoại xâm, từ năm 1998, lễ hội Xương Giang được tổ chức thường niên vào hai ngày mồng 6, mồng 7 tháng Giêng. Vào ngày này, các nhà sư tổ chức lễ cầu siêu cho linh hồn các tướng sĩ tham gia trận đánh Xương Giang năm xưa và ước vọng đầu năm mới cho quốc thái dân an.

Gần 600 năm đã trôi qua, toàn bộ kiến trúc của thành Xương Giang đã bị đổ nát. Năm 2008, Viện Khảo cổ học Việt Nam đã tổ chức khai quật khảo cổ tại thành Xương Giang. Theo đó, tại khu vực Giếng Phủ, Đồi Ngô (trung tâm thành) và khai quật 3 hố, phát hiện được vật liệu xây dựng như gạch lát nền, gạch ốp trang trí với đường nét tinh xảo, phong phú cùng với ngói. Điều đó đã khẳng định xung quanh khu vực này là những công trình kiến trúc dinh thự của tướng lĩnh quân đội nhà Minh. Tại một số khu vực khác, phát hiện các lớp ngói ken dày, các dải ngói và các hàng trụ móng cùng lớp kè, gia cố ở phần móng. Đã phát hiện 3 di cốt người cổ và hiện vật là gốm men Trung Quốc và Việt Nam có niên đại từ thế kỷ 14-15. Ngoài ra, còn phát hiện vết tích gạo cháy có độ sâu từ 10-15cm và gần 1.600 hiện vật gồm các loại gạch ngói, mảnh vỡ các loại, hiện vật đồ sành gốm men Việt Nam có niên đại thế kỷ 15 và một số vật liệu gia cố kiến trúc như đinh sắt... Qua vết gạo cháy ken dày, mảnh gạch ngói, có thể xác định được công trình kiến trúc này là kho lương của quân đội nhà Minh, ngoài ra còn tìm được một số hiện vật là xương động vật và những viên đạn đá.

Nhằm bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử, giáo dục truyền thống anh hùng, cách mạng cho các thế hệ, từ năm 2011, trên tổng diện tích 10 ha, TP Bắc Giang đã xây dựng các hạng mục tạo dấu ấn về văn hóa, tâm linh, du lịch như: Đền thờ và công trình phụ trợ, nghi môn, lầu trống, lầu chuông, sân lễ hội, đường giao thông, hệ thống điện, nước, cây xanh, nhà biểu diễn và trưng bày các tác phẩm nghệ thuật... Trong đó, điểm nhấn là đền Xương Giang gồm 3 tòa: Tiền bái, thiêu hương và chính cung. Đây là nơi tôn thờ, ca ngợi đức cao tổ Hoàng đế Lê Lợi và vinh danh những vị hiền thần đã có công trong chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang.

Cùng với đó, nhiều hoạt động giáo dục, văn hóa nghệ thuật, lễ báo công, tuyên dương ý nghĩa cũng được tổ chức tại đây như hoạt động "Em yêu lịch sử" và nhiều chương trình ngoại khóa, hành trình về nguồn do các nhà trường trên địa bàn tỉnh tổ chức. Không phải ngẫu nhiên mà khu di tích chiến thắng Xương Giang ngày càng thu hút nhiều khách thập đến tham quan. ■

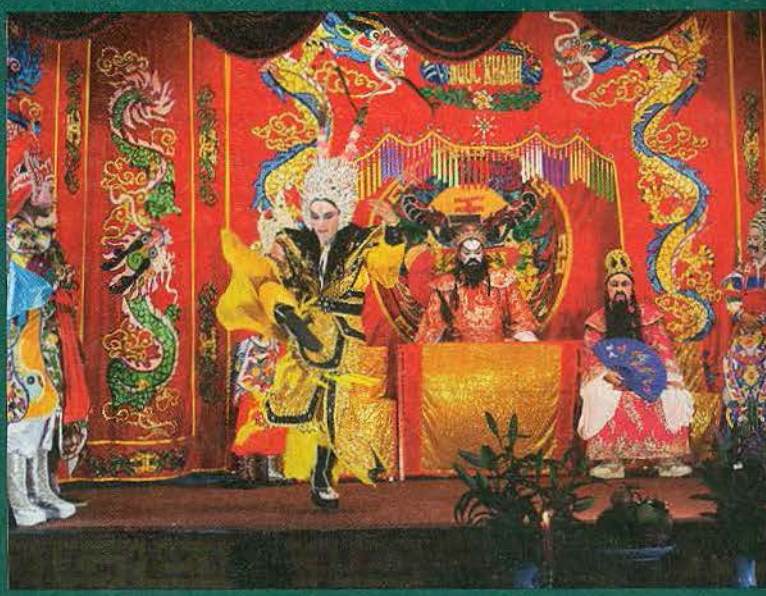

Tột đỉnh phát triển của nghệ thuật hát Bội là thời Tự Đức (1848 - 1883). Vua quan, giới thượng lưu và quần chúng thời xưa rất ưa chuộng lối hát Tuồng có diễn xuất bằng bộ điệu này. Vua Tự Đức nhà Nguyễn đã có soạn một số Tuồng và cùng diễn với một số danh nho. Trước khi qua đời, nhà vua đã cho xây một nhà hát trong lăng tẩm của mình. Vua Thành Thái cũng rất thích xem hát Bội và cũng có tham gia đóng vai diễn.

Nghệ thuật hát Bội đã được Đào Tấn (1845-1907) đưa lên đến giai đoạn cực thịnh và chính nhờ có ông mà hát Bội nước ta tồn tại đến nay. Càng đi về phía Nam, hát Bội càng bén rễ trong dân gian với những đặc trưng riêng: cởi mở, mạnh mẽ, màu sắc, vui tươi hơn. Hát Bội (còn gọi hát Bộ, hay Tuồng cổ) là một trong những di sản văn hóa đặc trưng và độc đáo của Nam Bộ. Hát Bội có nguồn gốc từ hát Bộ cung đình, đó là lối hát Tuồng với bộ điệu. Khi diễn hát, các đào kép vừa hát vừa múa, đi lại trên sân khấu, điệu bộ hấp dẫn với vật tượng trưng. Ví dụ như múa với một cây roi hay cây chổi có buộc nhiều sợi vải màu là hiểu ngay là đang cưỡi ngựa; tướng soái chỉ huy cả mươi vạn binh, mang sau lưng cờ trận, kì hiệu của những đội quân do vị tướng này thống lĩnh.

Không giống với những loại hình nghệ thuật như Cải lương, Kịch, Ca nhạc... hát Bội mang một hơi thở văn hóa truyền thống, gắn với những lễ cúng đình, miếu như một món ăn tinh thần không thể thiếu. Mặc dù đã không còn thịnh hành như trước đây nhưng giữa cuộc sống hiện đại, loại hình nghệ thuật sân khấu hát Bội vẫn tạo được chỗ đứng vững chãi cùng thời gian.

Nghệ thuật sân khấu hát Bội được coi là loại hình sân khấu cổ điển của Việt Nam. Nó mang tính ước lệ, tượng trưng rất cao, ngôn ngữ thâm thúy, mang đậm triết lí. Những bước chân, những cái chỉ tay lên trời, xuống đất... của diễn viên đều tuân thủ nguyên tắc rất chặt chẽ và biểu thị cho những ý nghĩa nhất định. Hát Bội đặc biệt từ nội dung cốt truyện đến cử chỉ, điệu bộ, lời ca tiếng hát và phục trang biểu diễn. Từ đó, khi hóa trang, các nghệ sĩ phải bảo đảm được thần thái, màu sắc của khuôn mặt phản ánh tính cách nhân vật hóa trang như vua, võ tướng, trung thần, gian thần, ninh thần,... Bên cạnh đó, màu sắc trang phục từ đỏ, vàng, đen, trắng... cũng biểu hiện được tính cách nhân vật là "kép độc" hay "kép hiền".

HÁT BỘI
Di sản văn hóa Nam Bộ

Ở xứ Đàng Trong, hát Tuồng đã trở thành một loại hình sân khấu rất được dân chúng hâm mộ với tên gọi khác là hát Bội, xuất hiện vào thế kỷ thứ XIII đời nhà Trần là một loại hình sân khấu cung đình chỉ dành cho cung vua phủ chúa.

TRẦN TRỌNG TRIẾT

Hát Bội thường diễn lại những sự tích trong truyện cổ, có mục đích giáo dục, đề cao những tấm gương sáng của các vị anh hùng, đề cao nhân - nghĩa - lễ - trí - tín và đạo lí làm người. Kết cục của những tuồng hát bao giờ cũng có hậu và răn dạy người đời: ở hiền gặp lành, làm ác gặp ác, gieo nhân nào hưởng quả ấy...

Ở Nam Bộ, các đoàn hát thường diễn những tuồng tích, sử Việt được dàn dựng như *Kim Thạch kỳ duyên* của Bùi Hữu Nghĩa, *Thạch Sanh - Lý Thông*, *Linh Sơn Thánh Mẫu* (Sự tích núi Bà Đen). Hát Bội lúc mới hình thành có đặc thù, đặc trưng, cách hóa trang, phục sức cũng như những câu nói lối, hát khách mang đậm màu sắc cung đình. Đến giữa thế kỷ XX, hình thức dần dần cải biến, dàn nhạc trình tấu hay phụ đệm đã sử dụng thêm nhạc cụ của nước ta. Những bài bản theo lối hát Nam Bộ được các nghệ nhân sáng tác, bổ sung, những câu đối đáp bằng văn xuôi dễ hiểu được đưa vào tuồng cùng với sự cách tân các điệu bộ tạo nên sự mới mẻ và hấp dẫn cho hát Bội.

Hát Bội ở Nam Bộ ngày xưa diễn khắp nơi, từ thành thị, chợ búa đến chốn nông thôn hẻo lánh. Phần nhiều vào các dịp Tết, lễ hội, vía bà, cúng đình. Đây cũng là dịp vui chơi của dân làng và nam thanh nữ tú. Các lễ hội cúng Thành hoàng, cúng vía bà luôn có các đoàn hát Bội diễn miễn phí, liên tục nhiều suất trong ngày để phục vụ nhân dân, bá tánh hành hương. Ở những miệt đồng bưng xa, các ghe hát Bội vẫn đi tới diễn Tuồng, đem niềm vui lại cho cư dân ở đó. Ở những nơi này, mỗi khi có hội cúng đình hoặc lễ Tết, người ta cố mời cho được một đoàn hát Bội về để diễn cho nhân dân xem thỏa thích. Lễ hội năm nào mà thiếu hát Bội, thì y như ban hội tề ở đó cảm thấy thiếu sót với dân và làng xã bạn.

Các cử chỉ, bộ tịch mà các đào, kép diễn trong hát Bội đều mang ý nghĩa tượng trưng, tạo ra nhiều tưởng tượng phong phú cho người xem. Tính chất tượng trưng bao trùm lên bối cảnh tuồng tích, từ hóa trang tới phục sức, điệu bộ và lời hát. Trình độ nghệ thuật được đánh giá qua lối ca, diễn của các đào kép và cách dàn dựng của thầy tuồng.

Ngôn ngữ hình thể là một phần quan trọng để diễn tả hành động và tính cách nhân vật. Khuôn mặt của mỗi nhân vật đều được hóa trang riêng để phân biệt tính cách. Phục trang của các nhân vật Tuồng gồm: áo giáp, áo thụng, áo đào văn, đai lưng... Đạo cụ thường là: kiếm, đao, thương, cờ, quạt, roi ngựa, phất trần...

Bên cạnh đó, "tiếng trống chầu" - cầu nối giữa diễn viên và khán giả - cũng là phần không thể thiếu trong hát Bội. Mỗi âm thanh từ trống chầu đều có quy tắc tượng trưng cho sự khen, chê, thưởng, phạt đối với tiếng ca hoặc vũ đạo.

Hát Bội ở Nam Bộ là biến thể của lối hát Bội cung đình mà những nghệ sĩ, nghệ nhân và những lưu dân mang theo khi tiến sâu về phương Nam mở đất. Hát Bội đã gắn bó với những buồn vui, thăng trầm của lịch sử dân tộc và đất nước suốt mấy trăm năm trở lại đây.

Hát Bội là di sản văn hóa phi vật thể đã đi sâu vào lòng quần chúng, nhân dân nhiều thế hệ. Cải lương Nam Bộ đã bắt nguồn từ hát Bội và có sự ảnh hưởng lớn từ hát Bội. Cải lương là một sự cách tân loại hình sân khấu cổ điển cùng với sự tổng hợp các loại hình ca hát cũ, mới của Nam Bộ lúc bấy giờ, theo một hình thức thể hiện và diễn tả mới mẻ, hấp dẫn.

Ngày nay, qua các công trình nghiên cứu, biên khảo khoa học, người ta công nhận hát Bội là loại hình sân khấu xuất hiện sớm nhất ở Nam Bộ, thuở cha ông ta bắt đầu khai mở vùng đất phương Nam. Và Nam Bộ là nơi tiếp nhận và thích nghi khá sớm loại hình nghệ thuật này như là một sắc thái đặc trưng.

Hát Bội là "viên ngọc quý" trong văn hóa nghệ thuật Tuồng cổ Việt Nam, rất cần được phát huy và bảo tồn, để không bị mai một theo năm tháng. Tuy nhiên, cái khó của hát Bội hiện nay không chỉ là thiếu đất diễn mà là thiếu hụt lớp người kế thừa và đang ngày càng trở nên xa lạ với giới trẻ.